

HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐIỂM THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

TT		SBD	Họ tên		Ngày sinh	Môn cơ bản	Môn cơ sở	Tiếng Anh	Ghi chú
Tổng	Khoa	I. KHOA HOÁ HỌC				Hoá học cơ bản	Cơ sở lý thuyết hoá học		
1	1	CHE001	Đỗ Lan	Anh	01/01/2002	5	6,5		Miễn TA
2	2	CHE002	Lại Thị	Chanh	26/10/1994	5,5	7,5	9	
3	3	CHE003	Trần Văn	Đô	14/09/2002	5,5	7,5	9	
4	4	CHE004	Cung Đình	Đức	20/01/2002	8	7,5		Miễn TA
5	5	CHE005	Đình Thu	Trà	09/06/2003	6	6,75		Miễn TA
6	6	CHE006	Nguyễn Thị	Tuyển	19/06/1995	7,5	7,5		Miễn TA
7	7	CHE007	Đặng Nguyệt	Trang	23/01/2001	7	7,25		Miễn TA
8	8	CHE008	Vũ Yến Quỳnh	Anh	23/09/2003	9	6,25	9	
9	9	CHE009	Hồ Văn	Bình	17/02/1994	7,75	5,25	8	
10	10	CHE010	Phạm Huỳnh Khoa	Điễm	13/09/2003	7	5,75	8	
11	11	CHE011	Nguyễn Vũ Minh	Hà	15/11/2003	7,25	6,25		Miễn TA
12	12	CHE012	Phan Võ Bảo	Hân	25/08/2004	8,25	8,75	9	
13	13	CHE013	Nguyễn Đoàn Văn	Hiệp	12/11/2003	7,5	8,75	6	
14	14	CHE014	Phan Hải	Nam	23/11/2001	7,25	7		Miễn TA
15	15	CHE015	Phùng Thị Ngọc	Anh	03/03/2001	5,5	8,25	8	
16	16	CHE016	Nguyễn Minh	Quân	04/06/2002	7	8	9	
17	17	CHE017	Đặng Duy	Thạch	29/04/2003	8,5	8,25		Miễn TA



18	18	CHE018	Nguyễn Song An	Thái	29/04/2004	9	8,5		Miễn TA
19	19	CHE019	Diệu Nguyễn Nhật	Tiến	13/06/2003	6,25	5,75	9	
20	20	CHE020	Phạm Nguyễn Ái	Vi	25/07/1999	8	7,25		Miễn TA
21	21	CHE021	Trần Minh	Đạt	08/11/2003	2	5,75		Miễn TA
22	22	CHE022	Nguyễn Thế Thanh	Hải	11/12/2002	5,5	7	8	
23	23	CHE023	Hồ Bảo	Trân	08/01/2002	7,75	6		Miễn TA
TT		SBD	Họ tên		Ngày sinh	Môn cơ bản	Môn cơ sở	Tiếng Anh	Ghi chú
Tổng	Khoa	II. KHOA SINH HỌC				Sinh học đại cương	Tế bào - Di truyền học		
24	1	BIO001	Lương Thị Vân	Anh	27/01/2000	8	6	9,5	
25	2	BIO002	Ngô Đức	Anh	17/05/1988	6,5	5		Miễn TA
26	3	BIO003	Nguyễn Thị Mai	Anh	09/10/2002	7,5	5		Miễn TA
27	4	BIO004	Trần Hà Phương	Anh	22/08/2002	5	5		Miễn TA
28	5	BIO005	Nguyễn Thị Linh	Chi	01/06/1999	5,5	7,5	8	
29	6	BIO006	Nguyễn Hương	Giang	24/02/2000	7,5	5,5	9	
30	7	BIO007	Nguyễn Thu	Hà	17/06/1998	7,5	7,5	9	
31	8	BIO008	Đỗ Đức	Hiếu	07/03/2002	6	6,5		Miễn TA
32	9	BIO009	Vũ Trung	Hiếu	17/11/1999	5,5	6		Miễn TA
33	10	BIO010	Trần Thị	Hòa	21/05/2002	6,5	5	6	
34	11	BIO011	Cao Văn	Hoan	03/02/1998	7,5	6,5	8	
35	12	BIO012	Nguyễn Thu	Hương	12/11/1998	7	6	7	
36	13	BIO013	Nguyễn Thị	Huyền	09/08/1994	7	5,5	8	
37	14	BIO014	Nguyễn Minh	Khuê	05/11/2003	5,5	5		Miễn TA
38	15	BIO015	Nguyễn Bảo	Lâm	05/07/2004	6	5,5		Miễn TA
39	16	BIO016	Huỳnh Ngọc	Linh	05/10/2002	8	5		Miễn TA

40	17	BIO017	Phạm Đình	Minh	10/03/2002	8	5	8	
41	18	BIO018	Nguyễn Văn	Nam	16/09/2003	8,5	6,5	8	
42	19	BIO019	Lương Tuấn	Nghĩa	19/10/1988	6	5	9,5	
43	20	BIO020	Đỗ Hồng	Nhung	12/07/2003	6	6,5		Miễn TA
44	21	BIO021	Hoàng Văn	Sơn	06/09/2000	5,5	4,5		Miễn TA
45	22	BIO022	Trần Xuân	Thắng	30/04/2000	6	4,5		Miễn TA
46	23	BIO023	Nguyễn Kim	Thủy	15/10/2002	8	4,5	7	
47	24	BIO024	Đặng Thu	Trang	25/06/2000	8,5	5	8	
48	25	BIO025	Lê Thị Hà	Trang	24/03/2003	5,5	6	8	
49	26	BIO026	Nguyễn Thanh	Trúc	23/08/2003	Bỏ thi	Bỏ thi		Miễn TA
50	27	BIO027	Vũ Thị	Tuyết	17/07/2003	6,5	4,5	8	
51	28	BIO028	Nguyễn Thị Hoa	Vân	19/01/2001	6,5	4,5	8	
52	29	BIO029	Nguyễn Quang	Việt	22/09/1999	5,5	4,5	8	
53	30	BIO030	Lương Trung	Kiên	09/09/2003	6	6		Miễn TA
54	31	BIO031	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22/03/2003	Bỏ thi	Bỏ thi		Miễn TA
55	32	BIO032	Nguyễn Thị Linh	Phương	31/08/1979	7,5	6		Miễn TA
56	33	BIO033	Lê Duy	Vũ	07/02/2003	7,75	6,5	8	
TT		SBD	Họ tên		Ngày sinh	Môn cơ bản	Môn cơ sở	Tiếng Anh	Ghi chú
Tổng	Khoa	III. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ VIỆN THÔNG				Toán rời rạc	Tin học cơ sở		
57	1	ITT001	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	22/07/2004	6	9		Miễn TA
58	2	ITT002	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/10/1995	8	8,25		Miễn TA
59	3	ITT003	Phan Trần Đức	Anh	18/12/2001	8	7,5	8	
60	4	ITT004	Trần Ngọc Việt	Anh	14/03/2003	8	7		Miễn TA
61	5	ITT005	Trần Tiến	Anh	17/09/2004	8,5	7,75	9	

62	6	ITT006	Chu Hải	Đảng	21/06/2003	6	9	6	
63	7	ITT007	Ninh Hải	Đảng	04/04/2003	6	9	7,5	
64	8	ITT008	Vũ Đức	Duy	01/11/2004	5,5	6,75		Miễn TA
65	9	ITT009	Phạm Tuấn	Hải	12/05/2003	Bỏ thi	Bỏ thi		Miễn TA
66	10	ITT010	Nguyễn Trọng	Hùng	04/06/1992	7	10	8,5	
67	11	ITT011	Phạm Quốc	Hùng	25/12/2001	7	10	8,5	
68	12	ITT012	Ngô Thảo	Hương	10/12/2003	7	10	7,25	
69	13	ITT013	Nguyễn Công	Khanh	21/11/2003	5	9	6,5	
70	14	ITT014	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/2004	8,5	9	8	
71	15	ITT015	Chu Viết	Kiên	31/07/2003	7,5	8,75		Miễn TA
72	16	ITT016	Bùi Mai	Lam	26/07/1986	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	
73	17	ITT017	Nguyễn Thành	Lập	02/12/2003	8,5	8,5	7	
74	18	ITT018	Nguyễn Ngọc Nhật	Linh	13/11/2002	7	6		Miễn TA
75	19	ITT019	Ngô Thanh	Long	23/12/2000	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	
76	20	ITT020	Vũ Đức	Nghĩa	17/04/1979	7	9,25		Miễn TA
77	21	ITT021	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	29/10/2004	8,5	10		Miễn TA
78	22	ITT022	Nguyễn Hữu	Quân	22/12/1990	8,5	10		Miễn TA
79	23	ITT023	Phạm Minh	Quang	04/09/2003	8	10	7	
80	24	ITT024	Nguyễn Duy	Quý	11/09/2004	8,5	9	8	
81	25	ITT025	Giáp Hoàng	Sơn	02/03/2001	6	9	6	
82	26	ITT026	Bạch Lê	Thắng	08/10/1988	7,5	9,5	6,5	
83	27	ITT027	Đỗ Anh	Tú	11/02/1989	7	8	8	
84	28	ITT028	Kiều Quang	Tuân	01/02/1983	8,5	9	8	
85	29	ITT029	Nguyễn Đăng	Tùng	19/08/1994	7,5	8		Miễn TA

TT		SBD	Họ tên		Ngày sinh	Môn cơ bản	Môn cơ sở	Tiếng Anh	Ghi chú
Tổng	Khoa	IV. KHOA CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG				Các quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	Cơ sở khoa học môi trường		
86	1	ENT001	Trần Thái	Đạt	21/01/1999	7,75	6,75	9	
87	2	ENT002	Lê Đình	Mạnh	21/11/2001	8,5	8,3	9	
88	3	ENT003	Phạm Thị	Nhung	04/11/2002	8,5	7,53	9	
89	4	ENT004	Hoàng Thị	Quỳnh	15/02/2003	8,5	8,3		Miễn TA
90	5	ENT005	Trần Quốc	Tiến	04/09/1995	8,75	8,18		Miễn TA

Tổng số thí sinh dự thi: 90 thí sinh./.

Người lập



Nguyễn Thị Anh Diễm

Trưởng ban



Bùi Kim Chi

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Hoàng Anh Sơn

VIỆT NAM